|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**VỚI CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ LÝ DO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH**

**Đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành các quy định tháo gỡ khó khăn, vướng mắc**

**trong triển khai Luật Thủy sản năm 2017, các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật**

**về chống khai thác thuỷ sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định**

*(Kèm theo Văn bản số /BNNMT-TSKN của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

| **TT** | **Quy định hiện hành** | **Dự thảo Nghị quyết** | **Thuyết minh lý do đề xuất chính sách** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoản 5 Điều 50 Luật Thủy sản 2017**  5. Giấy phép khai thác thủy sản bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Bị tẩy, xóa, sửa chữa nội dung của giấy phép;  b) Khai thác thủy sản trái phép ngoài vùng biển Việt Nam;  c) Tàu cá đã xóa đăng ký;  d) Không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. | **1.** Cho phép thu hồi Giấy phép khai thác thuỷ sản đối với các trường hợp sau đây:  a) Tàu cá được cấp giấy phép không còn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân;  b) Tàu cá mất kết nối thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động trên biển liên tục được phát hiện trên hệ thống giám sát tàu cá trong thời gian từ 03 tháng trở lên từ ngày cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản;  c) Tàu cá đã thay đổi nghề, loại ngư cụ ghi trong giấy phép cấp cho tàu cá;  d) Tàu cá là phương tiện được cấp Giấy phép thực hiện hành vi vi phạm nghiêm trọng về khai thác thủy sản từ hai lần trở lên trong thời hạn 12 tháng đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục tái phạm. | Quy định bổ sung một số trường hợp thu hồi Giấy phép khai thác thuỷ sản để tăng cường công tác quản lý đội tàu, quản lý khai thác thủy sản, chuẩn hóa việc sở hữu Giấy phép khai thác thuỷ sản đã cấp cho tàu cá, qua đó tăng cường chế tài pháp lý trong bối cảnh các hành vi vi phạm trong khai thác thuỷ sản diễn ra ngày càng phổ biến và tính chất hành vi phức tạp. Đồng thời, quy định việc thu hồi Giấy phép để xử lý đối với các trường hợp cần thiết phải cấp lại giấy phép và xử lý đối với vi phạm nghiêm trọng về khai thác thuỷ sản để răn đe, ngăn ngừa hành vi vi phạm. |
|  | **Điều 72 Luật Thủy sản năm 2017. Xóa đăng ký tàu cá**  1. Tàu cá bị xóa đăng ký thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Tàu cá bị hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt;  b) Tàu cá bị mất tích sau 01 năm kể từ ngày thông báo chính thức trên phương tiện thông tin đại chúng;  c) Tàu cá được xuất khẩu, bán, tặng cho, viện trợ;  d) Theo đề nghị của chủ tàu cá.  2. Khi xóa đăng ký, cơ quan có thẩm quyền đăng ký thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá quốc gia và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá cho chủ tàu. | **2.** Cho phép thực hiện việc xóa đăng ký tàu cá đối với các trường hợp sau đây:  a) Tàu cá đã bị nước ngoài bắt giữ và xử lý vi phạm;  b) Tàu cá mất kết nối thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động trên biển liên tục được phát hiện trên hệ thống giám sát tàu cá trong thời gian từ 12 tháng trở lên từ ngày cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản. | Thực tiễn hiện nay vẫn còn nhiều tàu cá chưa được xoá đăng ký trong trường hợp đã bị nước ngoài bắt giữ và xử lý vi phạm (trong đó có cả tàu cá bị tiêu huỷ); tàu cá mất kết nối thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động trên biển liên tục được phát hiện trên hệ thống giám sát tàu cá trong thời gian từ 12 tháng trở lên từ ngày cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản. Việc bổ sung quy định xoá đăng ký tàu cá đối với các trường hợp này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở dữ liệu về tàu cá rõ ràng, minh bạch, quản lý theo hướng hiện đại, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, giám sát hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của quốc tế, đặc biệt với EC để gỡ “thẻ vàng” thì việc sửa đổi, bổ sung các quy định về xóa đăng ký tàu cá là rất cần thiết trong việc thực hiện các quy định về thủy sản. Bên cạnh đó, giúp cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản loại bỏ kịp thời các tàu cá không đủ điều kiện hoạt động vẫn hiển thị thông tin trong cơ sở dữ liệu về tàu cá và xây dựng được cơ sở dữ liệu về tàu cá chính xác, minh bạch phục vụ quá trình quản lý và định hướng phát triển nghề khai thác thủy sản. |
|  | **Điểm b khoản 4 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP** (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)  b) Tổ chức, cá nhân nhận quyền sở hữu tàu cá phải thực hiện quy định về cấp văn bản chấp thuận theo Điều 62 Luật Thủy sản và Điều 57 Nghị định này và thực hiện đăng ký tàu cá theo quy định. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức, cá nhân chuyển quyền sở hữu tàu cá thông báo điều chuyển hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi theo Mẫu số 01A.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu tàu cá sau khi cấp văn bản chấp thuận theo quy định; Cơ quan đăng ký tàu cá thực hiện thủ tục xóa đăng ký tàu cá và đăng ký tàu cá theo quy định. | **3.** Cho phép áp dụng quy định về đăng ký tàu cá khi chuyển đổi quyền chủ sở hữu như sau:  a) Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi khi thực hiện chuyển quyền sở hữu tàu cá cho tổ chức cá nhân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là tỉnh) khác được cơ quan thẩm quyền của tỉnh có tàu chuyển đi đồng ý chuyển hạn ngạch giấy phép sang tỉnh có chủ tàu mới đăng ký mới, thì cơ quan thẩm quyền của tỉnh có tàu đăng ký chuyển đi thực hiện xóa đăng ký, trả hồ sơ gốc cho chủ tàu mua và có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm quyền tỉnh có chủ mua tàu và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Thủy sản Kiểm ngư để theo dõi quản lý hạn ngạch). Chủ mua tàu đến cơ quan thẩm quyền địa phương đăng ký và xin cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.  b) Tổ chức cá nhân đi mua tàu ở trong nước hoặc nhập khẩu tàu cá mà phải sử dụng hạn ngạch của tỉnh nơi mình sẽ đăng ký tàu cá và xin cấp giấy phép khai thác thủy sản thì phải có cấp văn bản chấp thuận theo cơ chế đặc thù do tỉnh sẽ đăng ký tàu ban hành. Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký tàu cá xin cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định. | Hiện nay, do chưa có quy định về việc cho phép áp dụng quy định về đăng ký tàu cá khi chuyển đổi quyền chủ sở hữu trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi khi thực hiện chuyển quyền sở hữu tàu cá cho tổ chức cá nhân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác được cơ quan thẩm quyền của tỉnh có tàu chuyển đi đồng ý chuyển hạn ngạch giấy phép sang tỉnh có chủ tàu mới đăng ký mới và trường hợp tổ chức cá nhân đi mua tàu ở trong nước hoặc nhập khẩu tàu cá mà phải sử dụng hạn ngạch của tỉnh nơi mình sẽ đăng ký tàu cá và xin cấp giấy phép khai thác thủy sản dẫn đến việc các tàu cá đã thực hiện việc mua bán, thay đổi chủ sở hữu giữa các tỉnh chưa được đăng ký nên hoạt động quản lý tàu cá và việc xác lập quyền sở hữu tàu cá trong trường hợp này rất khó khăn, đặc biệt là trong việc xác định chủ tàu cá để xử lý khi có hành vi vi phạm. Việc quy định cho phép áp dụng quy định về đăng ký tàu cá khi chuyển đổi quyền chủ sở hữu sẽ giải quyết được vướng mắc trong việc chuyển đổi chủ sở hữu tàu cá, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, bảo đảm ngư dân sớm được đăng ký tàu cá đi hoạt động giúp đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ngăn chặn tình trạng tàu cá không được đăng ký đi khai thác thủy sản bất hợp pháp, ảnh hưởng đến lỗ lực của Việt Nam trong việc gỡ cảnh báo thẻ vàng của EC. |
|  | Nghị định số 38/2024/NĐ-CP chưa quy định nội dung này | **4.** Cho phép sử dụng văn bản (công hàm, văn bản thông báo) xác nhận chính thức của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý là căn cứ xem xét, xử lý vi phạm phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ (không cần bản án, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý tàu cá). | Hiện nay, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp tàu cá Việt Nam khai thác thủy sản trái phép ngoài vùng biển Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý rất khó khăn do chưa có hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và các quốc gia đó nên chưa có đủ căn cứ để xác minh đối tượng vi phạm, hành vi vi phạm để tiến hành xử phạt. Đối với các vụ việc do nước ngoài bắt giữ chủ yếu được biết qua văn bản (công hàm, văn bản thông báo) xác nhận chính thức của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý. Trong khi đó, theo khuyến nghị của EC, Việt Nam cần tăng cường việc ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính đối với tàu cá Việt Nam khai thác trái phép tại vùng biển nước ngoài.  Việc cho phép sử dụng văn bản (công hàm, văn bản thông báo) xác nhận chính thức của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý làm căn cứ pháp lý cho việc xem xét, xử lý vi phạm phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 (không cần bản án, quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý tàu cá), tạo thuận lợi để các cơ quan chức năng có căn cứ, nhanh chóng xử lý các vụ việc vi phạm, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến nghị của EC. |
|  | Điều 61 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) quy định Nội dung, trình tự, thủ tục công bố mở, đóng và chỉ định cảng cá  1. Hồ sơ công bố mở cảng cá:  a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;  c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng;  d) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành);  đ) Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng (trừ cảng cá loại 3). | **5.** Cho phép áp dụng quy định về công bố mở mới cảng cá đang hoạt động như sau:  a) Đối với cảng cá nằm trong quy hoạch đã đi vào hoạt động từ trước khi Nghị quyết được ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát việc đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường để công bố mở cảng cá theo quy định.  b) Đối với các cảng cá chưa được công bố mở cảng nằm trong khu vực quy hoạch cảng cá, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát việc đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ để công bố mở cảng cá nằm trong hệ thống cảng cá hiện hữu.  c) Hồ sơ mở cảng cá quy định tại điểm a, điểm b khoản này gồm: Đơn đề nghị công bố mở cảng cá; Văn bản thành lập tổ chức quản lý tại bến cá mới được bổ sung; Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng; Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng (trừ cảng cá loại III).  d) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch để các tổ chức, cá nhân thực hiện việc công bố mở cảng cá theo quy định của Nghị quyết này. | Hiện nay, năng lực của các cảng cá đã được công bố mở theo quy định của Luật Thuỷ sản năm 2017 chưa đáp ứng được nhu cầu bốc dỡ, truy xuất nguồn gốc thuỷ sản khai thác. Trong khi đó đang tồn tại một số cảng cá nằm trong quy hoạch nhưng chưa đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện công bố mở cảng cá. Do đó, việc quy định cơ chế đặc thù yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát việc đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường để công bố mở cảng cá theo quy định, đồng thời cắt giảm điều kiện công bố mở cảng là rất cần thiết nhằm quản lý nghề cá hiệu quả, bền vững tất cả các tàu cá khai thác hải sản phải vào cảng để bốc dỡ sản phẩm và được các cơ quan chức năng giám sát sản lượng thuỷ sản tại cảng không vi phạm quy định về khai thác IUU, đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động khai thác thủy sản minh bạch, hiệu quản bền vững. Việc đưa nhóm cảng cá đang hoạt động vào công bố mở cảng để hoạt động theo quy định là một nhu cầu tất yếu và cấp thiết. |
|  | Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT | **6.** Cho phép áp dụng mẫu Báo cáo khai thác thuỷ sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên đến dưới 12 mét theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị quyết này nhằm kiểm soát được các hoạt động khai thác không chủ ý các loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (trong đó bao gồm các loài rùa biển, cá voi, cá heo...), đáp ứng yêu cầu tương đương của Đạo luật bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ. | Hiện nay, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (NOAA) đã có đánh giá và chưa công nhận các quy định về pháp luật của Việt Nam là “tương đương” với tiêu chuẩn tại Đạo Luật bảo vệ Thú biển của Hoa Kỳ (MMPA), do đó, để đáp ứng các quy định của NOAA thì việc sửa đổi các mẫu báo cáo về hoạt động đối với khối tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 đến dưới 12 là rất cần thiết nhằm kiểm soát được các hoạt động khai thác thuỷ sản không gây tổn hại đến động vật biển (ví dụ cá voi, cá heo…), qua đó, tạo cơ sở pháp lý để giám sát, quản lý tốt hơn hoạt động của nhóm tàu cá này, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ bắt nhầm động vật biển như cá voi, cá heo..., thực hiện cam kết của Việt Nam về chứng nhận nguồn gốc sản phẩm khai thác không có thú biển trong sản phẩm thuỷ sản khai thác trước khi xuất khẩu vào Hoa kỳ. Việc sửa đổi và áp dụng mẫu Báo cáo khai thác thuỷ sản sẽ đáp ứng yêu cầu của Đạo luật bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ và kiểm soát được các hoạt động khai thác không chủ ý các loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (trong đó bao gồm các loài rùa biển, cá voi, cá heo…). |
|  | Chưa có quy định | **7.** Từ ngày 01/01/2026, chính thức áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc khai thác thủy sản điện tử. Từ ngày 01/6/2026, bắt buộc áp dụng Nhật ký khai thác điện tử đối với tàu đánh bắt nguồn lợi thuỷ sản có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; Nhật ký thu mua, chuyển tải thuỷ sản điện tử đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thuỷ sản. | Tại các lần thanh tra tại Việt Nam, Uỷ ban Châu Âu khuyến nghị xây dựng, đưa vào áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc khai thác thủy sản điện tử, Nhật ký khai thác điện tử, Nhật ký thu mua, chuyển tải thuỷ sản để số hóa toàn bộ quy trình truy xuất từ khi tàu cá xuất biến, khai thác trên biển, cập bến, bán sản phẩm, cấp các giấy tờ truy xuất theo quy định của pháp luật. Do đó, việc quy định bắt buộc áp dụng tại Nghị quyết này là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Uỷ ban Châu Âu, phù hợp với chủ trương áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực thuỷ sản, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, giảm giấy tờ và tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiêp phục vụ sản xuất kinh doanh, số hóa toàn bộ quy trình truy xuất từ khi tàu cá xuất biến, khai thác trên biển, cập bến, bán sản phẩm, cấp các giấy tờ truy xuất theo quy định của pháp luật; giảm thủ tục hành chính về cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (giấy SC), Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (giấy CC), phụ vụ kịp thời cho công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành trong quản lý lĩnh vực thủy sản, truy xuất dữ liệu nhanh chóng, kịp thời và minh mạch hóa quá trình thẩm định thông tin truy xuất, giảm áp lực trong thẩm định thông tin; tránh sai sót so với truy xuất trên hồ sơ giấy như hiện nay. |
|  | Chưa có quy định | **8.** Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP như sau:  “2. Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển tiếp giáp nhau căn cứ vào đặc điểm cụ thể về địa lý của vùng ven bờ, vùng lộng để hiệp thương xác định và công bố ranh giới vùng khai thác thủy sản vùng ven bờ, vùng lộng giữa hai tỉnh.”. | Hiện nay, việc phân định ranh giới vùng biển ven bờ và vùng lộng để xác định và công bố ranh giới vùng khai thác thủy sản vùng ven bờ, vùng lộng giữa hai tỉnh còn gặp nhiều khó khăn do chưa có quy định cho phép hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển tiếp giáp nhau căn cứ vào đặc điểm cụ thể vể địa lý để phân chia vùng khai thác, đặc biệt là vùng lộng. Do đó, việc bổ sung quy định này sẽ khắc phục và tạo điều kiện để hai tỉnh ven biển tiếp giáp nhau có cơ sở để phân chia rõ ranh giới vùng khai thác thuỷ sản, đáp ứng được yêu cầu quản lý tàu và hoạt động khai thác thuỷ sản tại vùng bờ và vùng lộng tại các địa phương. |
|  | Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP  2. Đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản  a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi;  b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng, không được hoạt động tại vùng khơi; | **9.** Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 2 Điều 43 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP như sau:  “2. Đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:  a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt tại vùng khơi, không được hoạt động vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt tại vùng lộng và vùng ven bờ.  b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt tại vùng lộng, không được hoạt động vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt tại vùng ven bờ và vùng khơi.”. | Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi là tàu phục vụ việc chuyển tải các sản phẩm thủy sản khai thác ngoài biển vào cảng, việc quy định phạm vi hoạt động của loại tàu này như hiện hành dẫn đến việc khó quản lý vì các tàu này thu mua, chuyển tải thuỷ sản từ tàu khai thác dưới 12m không lắp đặt VMS, dễ vi phạm khai thác sai vùng… Việc quy định như dự thảo Nghị quyết sẽ khoanh vùng, thu hẹp phạm vi hoạt động của các tàu dịch vụ hậu cần nhằm ngăn chặn trung chuyển trái phép trong vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi, giảm áp lực khai thác ven bờ, vùng lộng, giúp khả năng phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ, giảm dần hoạt động chuyển tải các sản phẩm khai thác trên biển, đáp ứng kiểm soát theo chuỗi và chống tình trạng khai thác IUU. |
|  | **Điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ–CP)**  e) Thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất tín hiệu kết nối, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải sử dụng các thiết bị ghi lại vị trí tàu cá và báo cáo cơ quan quản lý tại cảng khi tàu cập cảng, sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác báo cáo vị trí tàu cá về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá (qua bộ phận trực, vận hành hệ thống giám sát tàu cá) 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng; Thuyền trưởng, chủ tàu cá phải chấp hành nghiêm cảnh báo của thiết bị giám sát hành trình tàu cá, không được đưa tàu vượt qua ranh giới vùng được phép khai thác thủy sản trên biển. | **10**. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ–CP) như sau:  e) Thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24/7 từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng và khi neo đậu tại bờ.  Trong trường hợp chủ tàu có nhu cầu tạm ngừng dịch vụ truyền dữ liệu thiết bị giám sát hành trình trong thời gian không đi khai thác từ 3 tháng trở lên thì phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá. Trong thời gian tạm ngừng dịch vụ, chủ tàu phải thực hiện báo cáo vị trí tàu cá neo đậu tại bờ định kỳ 01 tuần/lần cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá để quản lý theo quy định (kèm theo hình ảnh tàu neo đậu tại bờ theo vị trí và thời gian thực).  Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên, trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển, thuyền trưởng hoặc chủ tàu ghi lại vị trí tàu cá và báo cáo cơ quan quản lý tại cảng khi tàu cập cảng và sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc báo cáo vị trí tàu cá về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua bộ phận trực, vận hành hệ thống giám sát tàu cá) 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng trong 10 ngày nếu không có tín hiệu kết nối lại; trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất tín hiệu kết nối tại bờ, thuyền trưởng hoặc chủ tàu ghi lại vị trí tàu cá neo đậu tại bờ và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá định kỳ 12 giờ/lần.  Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m, trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển, thuyền trưởng hoặc chủ tàu ghi lại vị trí tàu cá và báo cáo cơ quan quản lý tại cảng khi tàu cập cảng và sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc báo cáo vị trí tàu cá về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (qua bộ phận trực, vận hành hệ thống giám sát tàu cá) 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày nếu không có tín hiệu kết nối lại; trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá mất tín hiệu kết nối tại bờ, thuyền trưởng hoặc chủ tàu ghi lại vị trí tàu cá neo đậu tại bờ và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá định kỳ 12 giờ/lần.  Thuyền trưởng, chủ tàu cá phải chấp hành nghiêm cảnh báo của thiết bị giám sát hành trình tàu cá, không được đưa tàu vượt qua ranh giới vùng được phép khai thác thủy sản trên biển.”. | Qua quá trình triển khai vận hành hệ thống Giám sát tàu cá từ năm 2020 đến nay cho thấy tình hình tàu cá có duy trì tín hiệu kết nối hàng ngày đạt khoảng 55-60%; tỷ lệ tàu cá bị mất kết nối dài ngày ở trong bờ còn nhiều, đặc biệt số lượng tàu cá đã mất tín hiệu trên hệ thống giám sát tàu cá trên 1 năm chưa có tín hiệu trở lại, nhiều tàu cá vào bờ và tắt thiết bị giám sát hành trình để trốn lực lượng chức năng đi khai thác trên biển và vi phạm IUU, nhiều trường hợp tàu cá khai thác ngoài biển vào gần bờ tắt máy không biết có vào cảng chỉ định theo quy định hay không dẫn đến việc kiểm soát tàu vào cảng và sản lượng khai thác đạt tỷ lệ thấp gây khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan, lực lượng chức năng. Việc sửa đổi quy định về việc yêu cầu bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24/7 từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng và khi neo đậu tại bờ sẽ giúp cơ quan quản lý có thông tin về hành trình tàu cá, kiểm soát tốt hơn đối với hoạt động khai thác, chống khai thác vi phạm IUU và bảo đảm các tàu cá khi về bờ phải vào cảng cá chỉ định. Đồng thời, có cơ sở để xử lý đối với hành vi vi phạm VMS đang diễn ra rất nhiều hiện nay, đáp ứng yêu cầu của EC qua các lần thanh tra tại Việt Nam về việc gỡ cảnh báo thẻ vàng IUU. |
|  | **Điểm g khoản 5 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP** (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ–CP  g) Chịu trách nhiệm trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá không truyền được dữ liệu đến trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá do lỗi kỹ thuật. | **11**. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 5 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ–CP) như sau:  “g) Chịu trách nhiệm bảo đảm duy trì tín hiệu, dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến đến tàu cá, trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá.”. | Hiện nay, nhiều tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình (VMS) nhưng không truyền dữ liệu liên tục do lỗi kỹ thuật, song khó phân biệt giữa lỗi khách quan (thiết bị hỏng, mất tín hiệu) và lỗi cố ý (chủ tàu, thuyền trưởng tự ý tắt hoặc can thiệp thiết bị). Do vậy cần phải quy định rõ trách nhiệm của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá để xác định rõ nguyên nhân của việc mất tín hiệu VMS là rất cần thiết để xử lý đối với tình trạng rất thiết bị VMS mất kết nối rất tín hiệu như trong thời gian vừa qua. Qua quy định này sẽ rõ hơn về trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân có liên quan (chủ tàu, thuyền trưởng, đơn vị cung cấp dịch vụ VMS) khi xảy ra sự cố truyền dữ liệu, tránh đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, đồng thời, bảo đảm tính liên tục, minh bạch của tín hiệu, dữ liệu giám sát hành trình, phục vụ quản lý đội tàu, chống khai thác IUU và gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC đối với thủy sản của Việt Nam. |
|  | Điểm e khoản 2 Điều 3 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)  Đối với thiết bị giám sát hành trình đã lắp đặt trên tàu cá trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành, chủ tàu cá phải thực hiện cập nhật, bổ sung các tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. | **12.** Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc rung ương có biển căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để ban hành cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ đối với chủ tàu cá để hoàn thành sớm hơn thời hạn việc cập nhật, bổ sung các tính năng kỹ thuật của thiết bị giám sát hành trình đã lắp đặt trên tàu cá quy định tại điểm e khoản 2 Điều 3 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. | **Hiện nay, còn rất nhiều tàu lắp thiết bị VMS thế hệ cũ, chưa có các chức năng cảnh báo, giúp người sử dụng phát hiện thiết bị mất kết nối tín hiệu dẫn đến việc ngư dân không thể biết thời điểm mất kết nối để thực hiện báo vị trí về bờ theo quy định. Việc quy định thời gian sớm hơn so với quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP** (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) **sẽ đảo đảm các thiết bị giám sát hành trình được thay thế sớm hơn để áp dụng** các tính năng mới (chống can thiệp/vô hiệu hóa, cảnh báo vượt ranh giới, lưu đệm dữ liệu, truyền dữ liệu liên tục, tích hợp kiểm tra tại cảng…) cần **nâng cấp phần cứng/firmware, kiểm định và chứng nhận tương thích**.  **Các thiết bị VMS lắp trên tàu cá hiện nay qua thời gian dài sử dụng trên biển đã phát nhiều lỗi về phần cứng thiết bị, dẫn đến nhiều tàu cá bị mất kết nối tín hiệu giám sát hành trình. Thiết bị VMS cũ hiện chưa có các chức năng cảnh báo, các đèn tín hiệu trực quan giúp người sử dụng phát hiện thiết bị mất kết nối. Việc quy định thời gian sớm hơn so với quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP** (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) **sẽ đảo đảm các thiết bị giám sát hành trình được thay thế sớm hơn để áp dụng** các tính năng mới (chống can thiệp/vô hiệu hóa, cảnh báo vượt ranh giới, lưu đệm dữ liệu, truyền dữ liệu liên tục, tích hợp kiểm tra tại cảng…) cần **nâng cấp phần cứng/firmware, kiểm định và chứng nhận tương thích**. Quy định này cho phép các địa phương chủ động trong việc rút ngắn thời gian chuyển đổi thiết bị để nâng tỷ lệ kết nối liên tục trên tàu cá, bảo đảm hoạt động quản lý và dễ dàng xác minh để xử lý vi phạm đối với hành vi liên quan đến mất kết nối VMS. |
|  | Điểm c khoản 6 Điều 70b Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)  c) Không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu; | **13**. Bãi bỏ điểm c khoản 6 Điều 70b Nghị định số 37/2024/NĐ-CP quy định về không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu. | Việc quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu đang gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguyên liệu chế biến, xuất khẩu hải sản. Mặt khác tại khoản 6 Điều 7 Luật Thuỷ sản năm 2017 đã quy định cấm “mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến thủy sản từ khai thác thủy sản bất hợp pháp, thủy sản có tạp chất nhằm mục đích gian lận thương mại”. Do đó, việc bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 6 Điều 70b Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) là phù hợp với yêu cầu hiện nay, bảo đảm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc xử lý vướng mắc này trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp. |
|  | Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP | **14.** Ngưng hiệu lực thi hành quy định về kích thước tối thiểu được phép khai thác của một số loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên tại các số thứ tự 11, 12, 15, 36, 63, 64, 65, 66 mục 1; số thứ tự 15 mục 2 và số thứ tự 1 mục 4 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. | Quy định về kích thước tối thiểu được phép khai thác của một số loài thuỷ sản (ngừ vằn, cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to…) tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 37/20224/NĐ-CP khi triển khai thực hiện, ngư dân và doanh nghiệp đã gặp một số khó khăn trong việc khai thác, thu mua nguồn nguyên liệu. Điều này được một số tổ chức như: Hiệp hội chế biến xuất khẩu Thủy sản (VASEP); Hội Thủy sản Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường, và ngư dân tại một số địa phương phản ánh, kiến nghị đến Chính phủ. Để đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân, doanh nghiệp và mục tiêu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang nghiên cứu chuyển đổi từ quản lý bằng kích thước khai thác tối thiểu (khó kiểm soát, khó chọn lọc) sang quản lý bằng hạn ngạch đối với nhóm cá ngừ (dễ kiểm soát, phù hợp với các tổ chức nghề cá khu vực và quy định quốc tế nhưng vẫn đảm bảo được bảo vệ nguồn lợi). Do đó, việc quy định ngưng hiệu lực thi hành quy định về kích thước tối thiểu được phép khai thác của một số loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên tại các số thứ tự 11, 12, 15, 36, 63, 64, 65, 66 mục 1; số thứ tự 15 mục 2 và số thứ tự 1 mục 4 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP trong thời điểm hiện nay sẽ giải quyết các vướng mắc của ngư dân và doanh nghiệp trong việc khai thác, thu mua nguồn nguyên liệu, bảo đảm thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết điểm nghẽn, vướng mắc về pháp lý về các quy định của pháp luật hiện nay. |
|  | **Nghị định số 38/2024/NĐ–CP** | **11. Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 38/2024/NĐ–CP** |  |
| 15.1 | Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  4. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và đ khoản 1; điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định này được thực hiện như sau: | a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:  “4. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và đ khoản 1; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 20 và khoản 7 Điều 21 Nghị định này được thực hiện như sau:” | Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng tàu cá vượt qua vùng được phép khai thác thủy sản trên biển mà không có văn bản chấp thuận thời gian qua chủ yếu được áp dụng đối với thuyền trưởng tàu cá mà chưa được áp dụng đối với chủ tàu cá trong khi đó, chủ tàu cá mới là người chỉ đạo việc cho tàu cá vượt qua vùng được phép khai thác, thuyền trưởng chỉ là người thực hiện yêu cầu của chủ tàu cá (trừ trường hợp bất khả kháng). Ngoài ra, chủ tàu cá và thuyền trưởng đều có trách nhiệm không được đưa tàu vượt qua ranh giới vùng được phép khai thác thủy sản trên biển.  Việc bổ sung quy định xử phạt đồng thời cả chủ tàu cá và thuyền trưởng đối với hành vi này tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP sẽ bảo đảm ngăn chặn và răn đe tốt hơn đối với việc kiểm soát tàu cá trong việc khai thác trái phép tại vùng biển nước ngoài. |
| 15.2 | Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  Không quy định | b) Bổ sung khoản 6a Điều 35 như sau:  “6a. Phạt tiền từ 100.000.0000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm duy trì tín hiệu, dữ liệu giám sát hành trình đến tàu cá, trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá”. | Bổ sung quy định này để xử phạt đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giám sát hành trình VMS đối với hành vi không bảo đảm duy trì tín hiệu, dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến tàu cá, trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá. Thực tế thời gian qua, việc mất tín hiệu, dữ liệu hệ thống giám sát hành trình và việc truyền tín hiệu, dữ liệu từ tàu cá về trung tâm dữ liệu giám sát thường xuyên bị lỗi kỹ thuật dẫn đến việc số lượng tàu cá mất kết nối VMS tăng cao, gây bất lợi cho Việt Nam trong nỗ lực gỡ cảnh báo “thẻ vàng” IUU của EC. |
| 15.3 | Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  Không quy định | c) Bổ sung khoản 6b Điều 35 như sau:  “6b. Phạt tiền từ 40.0000.0000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin giám sát hành trình tàu cá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc cung cấp sai thông tin, dữ liệu giám sát hành trình tàu cá hoặc cung cấp thông tin sai thẩm quyền”. | Trong thời gian qua, việc xác minh tàu cá mất tín hiệu kết nối VMS của các lực lượng chức năng rất khó khăn do các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VMS không cung cấp thông tin về tàu cá mất kết nối giám sát hành trình tàu cho các cơ quan quản lý nhà nước. Nhiều trường hợp cung cấp thông tin không đúng với hệ thống giám sát hành trình tàu cá gây khó khăn trong việc xử lý vi phạm. Việc quy định xử phạt doanh nghiệp đối với hành vi không thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin giám sát hành trình tàu cá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc cung cấp sai thông tin giám sát hành trình tàu cá sẽ ngăn chặn hành vi trốn tránh cung cấp thông tin của doanh nghiệp khi có yêu cầu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và xử lý hành vi vi phạm. |
| 15.4 | Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  **Điều 36. Vi phạm quy định về đánh dấu tàu cá**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét.  4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên. | d) Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:  “**Điều 36. Vi phạm quy định về đánh dấu tàu cá**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét để khai thác thủy sản.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét để khai thác thủy sản.  3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét để khai thác thủy sản.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định trong trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên để khai thác thủy sản.” | Sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá hoặc đánh dấu sai quy định theo hướng tăng mức tiền phạt để bảo đảm răn đe và ngăn ngừa vi phạm đối với hành vi này, đáp ứng khuyến nghị của EC trong việc gỡ cảnh báo “thẻ vàng” IUU của Việt Nam. |
| 15.5 | Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không viết số đăng ký tàu cá hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng số tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp. | đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:  “2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không viết số đăng ký tàu cá hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng số tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp”. | Sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi không viết số đăng ký tàu cá hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định hoặc viết số đăng ký tàu cá không đúng số tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp để xử lý và răn đe đối với hành vi này, đáp ứng khuyến nghị của EC trong việc gỡ cảnh báo “thẻ vàng” IUU của Việt Nam. |
| 15.6 | Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP  3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thu gom, mua bán, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp hoặc loài thủy sản không có tên trong Danh mục thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam hoặc không có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật. | e) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 như sau:  “3. Phạt tiền đối với hành vi thu gom, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp hoặc loài thuỷ sản không có tên trong danh mục được phép kinh doanh tại Việt Nam như sau:  a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 200 kg;  b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg đến dưới 500 kg;  c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;  d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 1.000 kg trở lên.  4. Hình thức phạt bổ sung:  a) Tịch thu loài thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;  b) Tạm đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc tiêu hủy loài thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.” | Hoạt động thu gom, mua bán sản phẩm thuỷ sản khai thác bất hợp pháp thời gian qua diễn ra thường xuyên, đây là hoạt động tiếp tay cho hành vi khai thác thuỷ sản bất hợp pháp (IUU) trong khâu tiêu thụ sản phẩm IUU nhưng Nghị định số 38/2024/NĐ-CP không quy định xử phạt đối với hành vi này. Do đó, cần phải bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi này để xử lý và ngăn chặn hoạt động tiêu thụ sản phẩm IUU trong bối cảnh hoạt động tiếp tay tiêu thụ sản phẩm IUU đang diễn ra hiện nay. |
| 15.7 |  | g) Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 42. | Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 38/2024/NĐ-CP để phù hợp với việc bãi bỏ điểm c khoản 6 Điều 70b Nghị định số 37/2024/NĐ-CP quy định về không trộn lẫn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu với nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong nước vào cùng một lô hàng xuất khẩu tại dự thảo Nghị quyết |